TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ – ST.
Ngày: 04/4/2023
V/v : "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tuyên

Ông Nguyễn Đình Vụ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B – SN: 1990. "Có mặt"

Địa chỉ: Xóm 5, thôn Hải P, huyện Hải H, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Lê Văn T - SN: 1989. "Vắng mặt"

Địa chỉ hiện nay: Số nhà 58 Ng, phường Tr, Thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T kết hôn với nhau vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hải Phong, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Đinh. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm cách sống khác nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mâu

thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con: Anh chị có 01 con chung: Cháu Lê Diệp A, sinh ngày 09/1/2018. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi cháu Diệp A. Và không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Lê Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn anh đồng ý như chị Bưởi đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Do vợ chồng mâu thuẫn nên chị B đã bỏ đi từ tháng 5/2020 đến nay, cũng ly thân từ đó đến nay. Nay chị B xin ly hôn anh xét thấy tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị B.

Về con: Anh chị có 01 con chung như chị B trình bày là đúng. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Diệp A và đề nghị chị B cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi Tòa có quyết định ly hôn đến khi cháu Diệp A đủ tuổi thành niên.Từ khi hai vợ chồng sống ly thân cháu Diệp A sống với anh, chị B không chăm sóc cháu

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị B vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và bổ sung thêm ý kiến kể từ khi hai vợ chồng sống ly thân, thời gian đàu chị đón cháu về nuôi, sau đó anh T đón cháu về chơi rồi giữ luôn cháu từ đó đến bây giờ và anh T tìm mọi cách ngăn cản không cho chị đón cháu về nuôi dưỡng và không cho chị được thăm nom, chăm sóc cháu Diệp A. Tại phiên tòa chị B cung cấp thêm tài liệu chứng cứ chứng minh chị có công việc và thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của nguyên đơn, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt, Tòa án tiến hành xử vắng mặt anh Đức là đúng quy định của điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]***Về tố tụng***: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại Thành phố H. Do vậy Tòa án Thành phố H thụ lý, giải quyết là đúng quy định theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Chị B đề nghị Tòa án tiến hành xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS giải quyết vắng mặt anh T là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị B và anh Lê Văn T kết hôn với nhau vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án anh chị đều thừa nhận vợ chồng chung sống có mâu thuẫn xảy ra và đã sống ly thân nhau. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: quá trình anh chị chung sống đã có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Vì mâu thuẫn nên chị B đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2020 đến nay.

Anh chị đều thống nhất ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, do đó nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì cuộc sống chung của vợ chồng cũng không cải thiện được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị B được ly hôn với anh T là phù hợp.

Về con: Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Diệp A, sinh ngày 09/1/2018. Nguyện vọng của anh chị đều đề nghị được nuôi cháu Diệp A. Qua ý kiến trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xác minh tại địa phương thì chị B, anh T đều có việc làm. Tại phiên tòa chị B cung cấp tài liệu chứng cứ chị có thu nhập với mức lương ổn định hành tháng. Mặt khác cháu Diệp A là con gái, lại đang còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy giao cháu Diệp Anh cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình .

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án anh T đề nghị chị B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng, nhưng xét việc giao con cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên không chấp nhận yêu cầu này của anh T. Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị B là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/QH14.

Về quyền kháng cáo: Chị B và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, thời hạn kháng cáo được quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị B được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con: Công nhận cháu Lê Diệp A – Sinh ngày 09/1/2018 là con chung của chị B và anh T. Giao cháu Diệp A cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không được ai cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Phạm Thị B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002649 ngày 20/12/2022 tại chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H (Chị B đã nộp đủ án phí).

Chị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND TPH;
- THA- TPH;
- UBND xã H, H.H, Nam Định;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Long